

Số: 395/QĐ-TN

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp
giáo viên Trung học cơ sở hạng II

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/04/1994 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/03/2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01/12/2014 của Giám đốc ĐHĐN ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư số 19/2014/TT-BNV, ngày 04/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về Quy định, hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức;

Căn cứ Quyết định số 2512/QĐ-BGDĐT, ngày 22/07/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Trung học cơ sở hạng II;

Theo đề nghị của Ông Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Trung học cơ sở hạng II cho 46 (bốn mươi sáu) học viên học tại Trung tâm GDTX Số 1 Đà Nẵng,, khóa học từ tháng 11/2017 đến tháng 1/2018.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà): Trưởng phòng Đào tạo, Tổ chức – Hành chính, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Kế hoạch – Tài chính và học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /p

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- ĐHĐN, BGH (để báo cáo);
- Lưu VT, ĐT.



PGS. TS. LƯU TRANG

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN HOÀN THÀNH KHÓA HỌC
LỚP BỒI DƯỠNG THEO CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ HẠNG 2**

KHÓA HỌC TỪ THÁNG 11/2017 ĐẾN THÁNG 1/2018

ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO: TRUNG TÂM GDTX SỐ 1 ĐÀ NẴNG

(theo Quyết định số: 335 /QĐ-TN ngày 26 tháng 03 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHN)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh/Tp)	Điểm TB	Kết quả khóa học	Đơn vị công tác
000583	1	Trần Thị Kim Ánh	03/08/1980	Quảng Nam	7,2	Đạt	Trường THCS Hồ Nghinh
584	2	Trần Thị Diệu Bảo	26/06/1980	Đà Nẵng	6,5	Đạt	Trường THCS Trần Hưng Đạo
585	3	Huỳnh Thị Thanh Bình	15/08/1980	Đà Nẵng	6,3	Đạt	Trường THCS Sào Nam
586	4	Trần Thị Kim Chi	18/08/1979	Đà Nẵng	6,3	Đạt	Trường THCS Trần Hưng Đạo
587	5	Lê Thị Thanh Hà	24/06/1978	Đà Nẵng	8,1	Đạt	Trường THCS Trần Đại Nghĩa
588	6	Thái Thị Hồng Hải	22/08/1977	Kon Tum	6,5	Đạt	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh
589	7	Nguyễn Thị Hằng	25/05/1982	Hà Tĩnh	7,6	Đạt	Trường THCS Lê Lợi
590	8	Lê Thúy Hằng	24/04/1980	Thanh Hóa	6,4	Đạt	Trường THCS Nguyễn Huệ
591	9	Trịnh Thị Minh Hiền	25/05/1976	Đà Nẵng	7,3	Đạt	Trường THCS Hoàng Sa
592	10	Nguyễn Thị Hòai	17/12/1979	Thái Bình	8,0	Đạt	Trường THCS Trần Đại Nghĩa
593	11	Nguyễn Thị Hồng	10/02/1980	Bình Định	7,4	Đạt	Trường THCS Tây Sơn
594	12	Nguyễn Thanh Hùng	12/07/1981	Quảng Nam	7,0	Đạt	Trường THCS Lý Tự Trọng
595	13	Huỳnh Thị Kim Hương	15/09/1973	Hà Nội	6,8	Đạt	Trường THCS Cao Thắng
596	14	Đặng Ngọc Lam	10/01/1980	Quảng Nam	8,4	Đạt	Trường THSC Lê Thánh Tôn
597	15	Nguyễn Thị Lành	20/05/1980	Quảng Nam	7,3	Đạt	Trường THCS Huỳnh Bá Chánh
598	16	Đinh Thị Ngọc Linh	20/12/1984	Quảng Nam	7,4	Đạt	Trường THCS Phan Bội Châu
599	17	Phạm Thị Thùy Loan	05/05/1983	Thanh Hóa	7,3	Đạt	Trường THCS Nguyễn Huệ
600	18	Đặng Thị Minh Long	08/08/1969	Quảng Nam	7,4	Đạt	Trường THCS Hoàng Sa
601	19	Nguyễn Thị Thanh Luật	06/06/1978	Nghệ An	7,1	Đạt	Trường THCS Tây Sơn
602	20	Nguyễn Thị Lý	24/01/1975	Hà Tĩnh	6,8	Đạt	Trường THCS Lý Tự Trọng
603	21	Lê Thị Nga	10/03/1978	Thanh Hóa	7,1	Đạt	Trường THCS Lê Độ
604	22	Nguyễn Thị Như Nguyên	20/12/1992	Đà Nẵng	6,6	Đạt	Trường THCS Trần Đại Nghĩa
605	23	Phạm Thành Nguyên	01/01/1970	Quảng Nam	7,4	Đạt	Trường THCS Nguyễn Huệ
606	24	Trần Thị Thanh Nhân	17/06/1981	Nam Định	6,3	Đạt	Trường THCS Phan Bội Châu
607	25	Huỳnh Thị Kim Nhân	13/08/1981	Đà Nẵng	7,3	Đạt	Trường THCS Trần Đại Nghĩa
608	26	Phạm Phú An Nhân	31/07/1982	Quảng Nam	8,1	Đạt	Trường THCS Nguyễn Huệ
609	27	Ngô Thị Quỳnh Như	11/02/1979	Quảng Nam	7,2	Đạt	Trường THCS Sào Nam
610	28	Nguyễn Thị Phúc	04/07/1980	Quảng Nam	6,5	Đạt	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh
611	29	Phạm Thị Phương	02/02/1979	Quảng Nam	6,6	Đạt	Trường THCS Huỳnh Bá Chánh
612	30	Nguyễn Thị Thu Phương	06/06/1980	Quảng Nam	7,4	Đạt	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm
613	31	Nguyễn Thị Phượng	11/08/1984	Quảng Nam	7,3	Đạt	Trường THCS Kim Đồng
614	32	Phan Thị Lệ Quyên	21/12/1981	Đà Nẵng	7,2	Đạt	Trường THCS Kim Đồng
615	33	Nguyễn Thị Thanh Tâm	07/01/1984	Quảng Nam	7,0	Đạt	Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến
616	34	Nguyễn Thị Thanh	28/05/1980	Đà Nẵng	6,4	Đạt	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ
617	35	Nguyễn Thị Nhật Thanh	20/03/1979	Quảng Nam	7,2	Đạt	Trường THCS Huỳnh Bá Chánh

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh/Tp)	Điểm TB	Kết quả khóa học	Đơn vị công tác
588	36	Nguyễn Thị Thành	14/11/1980	Đà Nẵng	7,0	Đạt	Trường THCS Lê Độ
589	37	Ngô Thị Phương Thảo	02/10/1977	Nam Định	6,8	Đạt	Trường THCS Lê Độ
590	38	Nguyễn Thị Thanh Thảo	21/12/1982	Quảng Nam	8,0	Đạt	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm
591	39	Nguyễn Thị Kim Thương	20/09/1980	Đà Nẵng	6,9	Đạt	Trường THCS Tây Sơn
592	40	Phạm Văn Toán	08/11/1987	Quảng Bình	7,3	Đạt	Trường THCS Lý Thường Kiệt
593	41	Phan Thị Tú Trinh	06/01/1979	Đà Nẵng	6,8	Đạt	Trường THCS Tây Sơn
594	42	Phạm Thị Tuyết	23/05/1976	Quảng Bình	7,6	Đạt	Trường THCS Cao Thắng
595	43	Lê Thị Diễm Uyên	24/02/1970	Đà Nẵng	6,5	Đạt	Trường THCS Tây Sơn
596	44	Trần Thị Hải Yến	01/01/1985	Quảng Bình	7,1	Đạt	Trường THCS Lý Tự Trọng
597	45	Phan Thị Vân	18/10/1977	Quảng Nam	7,2	Đạt	Trường THCS Tây Sơn
598	46	Lê Thị Thùy Trang	20/03/1980	Quảng Nam	6,9	Đạt	Trường THCS Trần Đại Nghĩa

Ấn định danh sách này có 46 học viên được công nhận./.

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

 PGS.TS LƯU TRANG